

IRREGULAR VERBS

INFINITIVE (V1)	PAST (V2)	PAST PARTICIPLE (V3)	MEANING
1. Spell			đánh vần
2. Spend			tiêu xài
3. Stand			đứng
4. Stick			dán, gắn chặt
5. Sting			châm, chích, đốt
6. Sweep			quét
7. Teach			dạy
8. Tell			nói, kể, báo
9. Think			suy nghĩ
10. Understand			hiểu, biết
11. Win			thắng
12. Blow			thổi
13. Fly			bay
14. Grow			trồng, lớn lên
15. Know			hiểu, biết
16. Throw			ném, quăng
17. Bend			uốn, bẻ cong
18. Lend			cho mượn
19. Send			gửi
20. Spend			tiêu xài

.....HẾT.....